

Số: 159/QĐ-BVĐK

Kim Sơn, ngày 15 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 của Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 1558/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 14/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – hành chính, trưởng phòng Tài chính – Kế toán , các phòng ,ban, các đơn vị liên quan, cấp trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu –chi ngân sách 6 tháng năm 2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính ,Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Tổ chức cấp trên;
- Các phòng, ban;
- Lưu : VT, TCHC, TCKT.



Nguyễn Anh Dũng

BIÊN BẢN

Niêm yết, công khai thực hiện dự toán thu - chi NSNN Quý I+ II năm 2021

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ vào Quyết định số 1558/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ngày 14/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 ;

Hôm nay, vào hồi 8h30 ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại hội trường tầng hai khu nhà điều hành Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn, chúng tôi gồm có:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông :NguyễnAnh Dũng	Giám đốc
2	Ông ; Trần Văn Chính	Trưởng ban thanh tra nhân dân
3	Ông : Trần Minh Tứ	Chủ tịch Công đoàn
4	Bà Trần Thị Lan	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán
5	Bà : Trần Thị Hoa	Kế toán viên - Phòng TC-KT

Nội dung:

- Bệnh viện Đa khoa Kim Sơn thực hiện công khai theo quy định như sau:
- Hình thức công khai: Đã dán niêm yết trên bảng thông báo bệnh viện và trang website của bệnh viện
 - Địa điểm: Tại tiền sảnh khu nhà điều hành, trang website benhvienkimsom.com của bệnh viện
 - Thời gian: 90 ngày liên tục (Từ ngày 15/7/2021 đến ngày 15/10 /2021)
 - Nội dung công khai:

Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu – chi quý I+ II năm 2021 (Có biểu chi tiết công khai thực hiện dự toán thu – chi quý I+II năm 2021 đính kèm)

Tiếp nhận ý kiến trong thời gian công khai: Đồng chí Trần Văn Chính - Đại diện ban thanh tra nhân dân.






Sau thời gian niêm yết công khai bệnh viện sẽ tiến hành lập biên bản kết thúc việc công khai./.

Biên bản kết thúc vào hồi 10h cùng ngày và thống nhất ký tên dưới đây./.



Nguyễn Anh Dũng

CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ CÙNG THỐNG NHẤT KÝ TÊN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Ông : Nguyễn Anh Dũng	Giám đốc	
2	Ông ; Trần Văn Chính	Trưởng ban thanh tra nhân dân	
3	Ông : Trần Minh Tứ	Chủ tịch Công đoàn	
4	Bà Trần Thị Lan	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	
5	Bà : Trần Thị Hoa	Kế toán viên - Phòng TC-KT	

Kim Sơn., ngày 15 Tháng 07 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I+ II NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.
 Bệnh viện đa khoa huyện Kim Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I+II năm 2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	44,557	18,615.5		41.8%
I	Thu Ngân sách	4,929	339	-	6.9%
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,929	339.49		6.9%
II	Số thu phí, lệ phí	39,628	18,276.05		46.1%
1	Thu BHYT	35,728	16,312.50		45.7%
	Trong đó		-		
	Bệnh viện	29,800	13,725.30		46.1%
	Hai phòng khám	600	252.10		42.0%
	Trạm y tế xã	5,328	2,335.10		43.8%
2	Thu viện phí	3,700	1,870.55		50.6%
	Trong đó		-		
	Bệnh viện	3,700	1,869.25		50.5%
	Hai phòng khám		1.30		
3	Thu Khác	200	93.00		46.5%
	Thu coi xe	182	84.00		46.2%
	Thu thuê quầy thuốc	18	9.00		50.0%
	Thu khác		-		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	39,628	18,276.05		46.1%
I	Chi sự nghiệp Y tế	39,628	18,276.05		46.1%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	39,628	18,276.05		46.1%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4,929	339.49		6.9%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý2/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Nguồn ngân sách trong nước	4,929	339.49		6.9%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	4,929	339.49		6.9%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,929	339.49		6.9%

Ngày 15 tháng 07 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Anh Dũng

Mã chương: 423

Đơn vị báo cáo: Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn

Mã ĐVQHNS: 1079158

**BIỂU CHI TIẾT CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI TỪ NGUỒN NS
NGUỒN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
				Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	C	D	E	2	3	4	5	6
			I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ					18,213,327,278
130			Khám bệnh, chữa bệnh					18,213,327,278
	6000		Tiền lương					3,813,884,900
		6001	Lương theo ngạch, bậc					3,813,884,900
	6100		Phụ cấp lương					2,964,381,200
		6101	Phụ cấp chức vụ					115,218,000
		6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ					382,259,900
		6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm					37,548,000
		6112	Phụ cấp ưu đãi nghề					1,730,177,800
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc					118,008,000
		6114	Phụ cấp trực					366,578,500
		6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề					32,886,000
		6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành					181,705,000
	6250		Phúc lợi tập thể					12,190,000
		6299	Chi khác					12,190,000
	6300		Các khoản đóng góp					944,248,854
		6301	Bảo hiểm xã hội					702,671,854
		6302	Bảo hiểm y tế					120,908,800
		6303	Kinh phí công đoàn					80,951,000
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp					39,717,200
	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân					61,925,000
		6449	Chi khác					61,925,000
	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng					606,136,059
		6501	Tiền điện					239,522,790
		6502	Tiền nước					137,857,748
		6503	Tiền nhiên liệu					105,123,821
		6504	Tiền vệ sinh, môi trường					123,631,700

Loại	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
				Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
	6550		Vật tư văn phòng					148,481,000
		6551	Văn phòng phẩm					42,791,000
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng					98,875,000
		6599	Vật tư văn phòng khác					6,815,000
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc					82,956,900
		6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng					16,434,000
		6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện					34,602,900
		6618	Khoản điện thoại					31,920,000
	6700		Công tác phí					35,790,000
		6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe					7,480,000
		6702	Phụ cấp công tác phí					6,410,000
		6703	Tiền thuê phòng ngủ					900,000
		6704	Khoản công tác phí					21,000,000
	6750		Chi phí thuê mướn					235,246,000
		6757	Thuê lao động trong nước					235,246,000
	6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng					498,061,200
		6903	Ô tô chuyên dùng					127,230,200
		6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng					16,000,000
		6907	Nhà cửa					49,700,000
		6912	Các thiết bị công nghệ thông tin					150,130,000
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng					19,700,000
		6921	Đường điện, cấp thoát nước					84,705,000
		6922	Đường sá, cầu cống, bến cảng, sân bay					32,946,000
		6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác					17,650,000
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành					8,441,997,605
		7001	Chi mua hàng hóa, vật tư					7,991,735,905
		7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động					217,460,000
		7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành					75,387,700
		7049	Chi khác					157,414,000
	7050		Mua sắm tài sản vô hình					57,000,000
		7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin					57,000,000
	7750		Chi khác					292,254,560
		7756	Chi các khoản phí và lệ phí					68,464,560
		7761	Chi tiếp khách					133,650,000

Loại	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
				Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
		7799	Chi các khoản khác					90,140,000
	7850		Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp					18,774,000
		7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy					18,774,000
			II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	339,493,500				
70			Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (gồm cả đào tạo ngắn hạn nước ngoài)	60,000,000				
	6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	60,000,000				
		6199	Các khoản hỗ trợ khác	60,000,000				
130			Khám bệnh, chữa bệnh	279,493,500				
	6250		Phúc lợi tập thể	2,975,000				
		6299	Chi khác	2,975,000				
	6550		Vật tư văn phòng	45,345,000				
		6551	Văn phòng phẩm	345,000				
		6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	45,000,000				
	6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,400,000				
		6606	Tuyên truyền, quảng cáo	5,400,000				
	6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	69,000,000				
		6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	69,000,000				
	7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	156,773,500				
		7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	156,773,500				
			Tổng cộng	339,493,500				18,213,327,278

Ngày 15. tháng 7 năm 2021.

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Anh Dũng